FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (UPCOM: HAN)

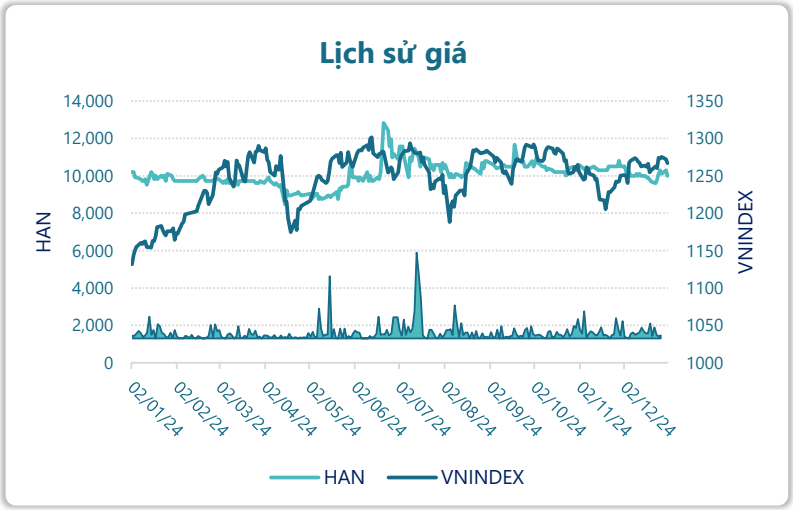

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,826
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,454
SL cổ phiếu LH	141,048,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,340
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,410
P/E	26.2
EPS	381

DT thuần

Q4/24

1,076

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 795| 283%

YoY: ▼589| -35.4%

LN sau thuế

Q4/24

19.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.60| -22.1%

YoY: ▼8.90| -31.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.9%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

2024

2,599

tỷ VNĐ

YoY: ▼367| -12.4%

LN sau thuế

2024

67.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.7| 44.0%

ROE

2024

3.3%

+/- YoY: ▲ 0.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

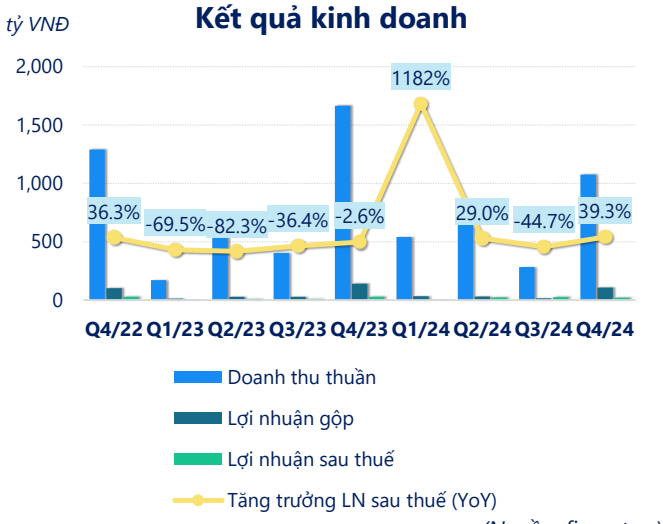

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

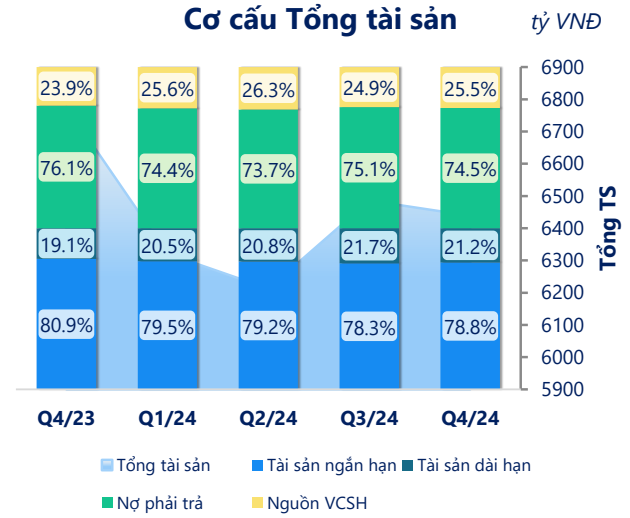

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

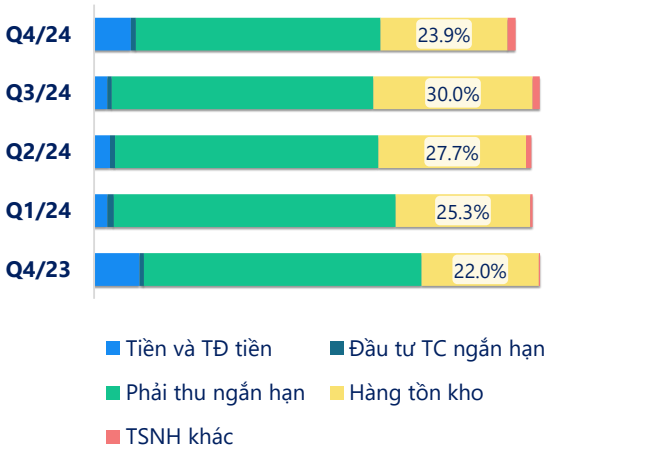

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

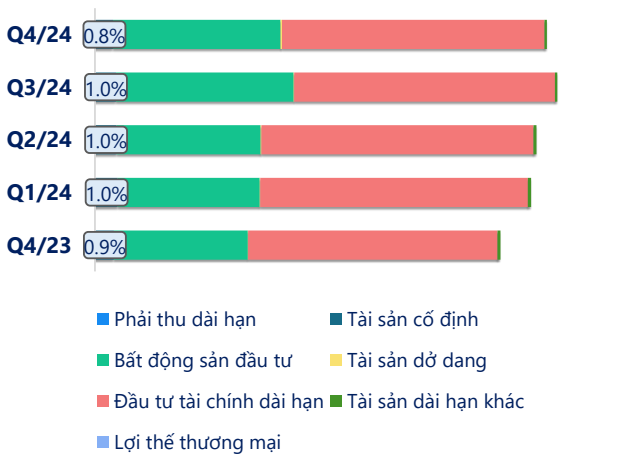

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

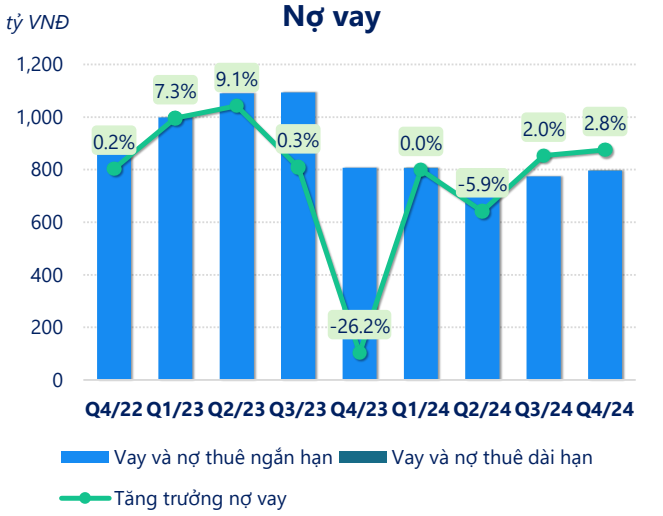

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

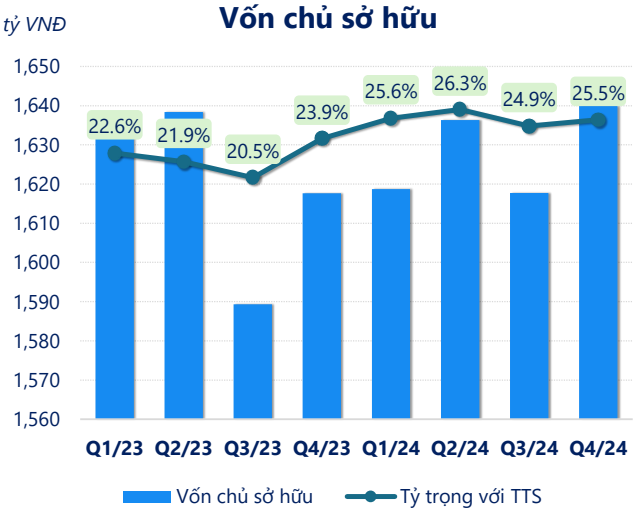

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

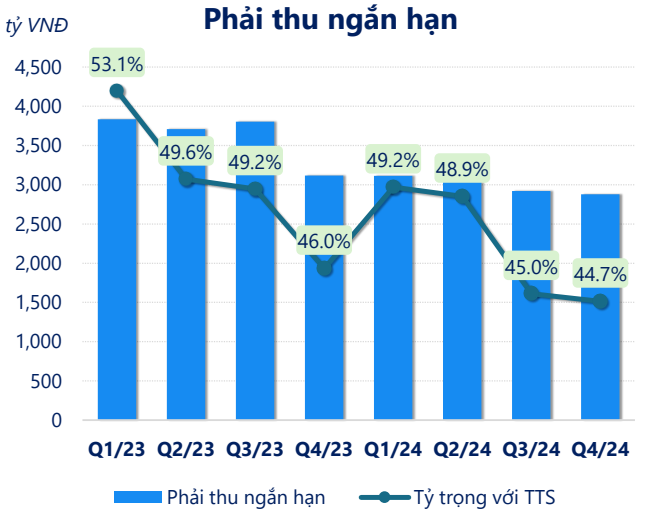

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

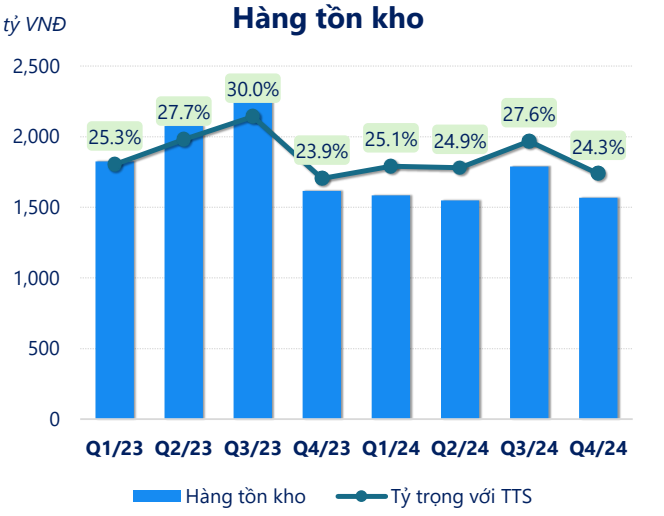

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

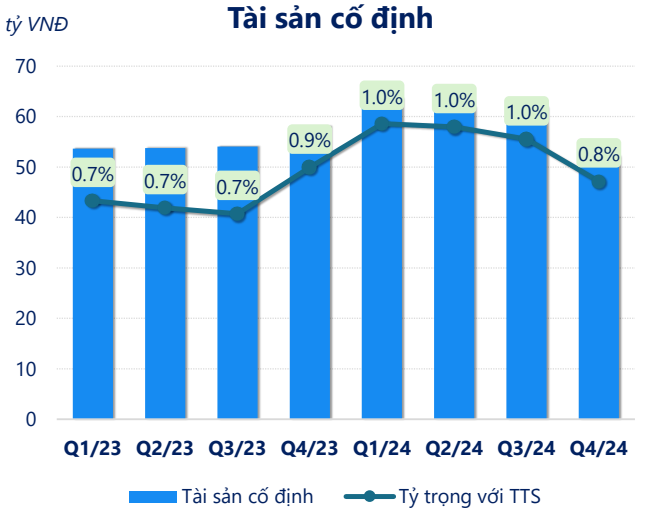

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

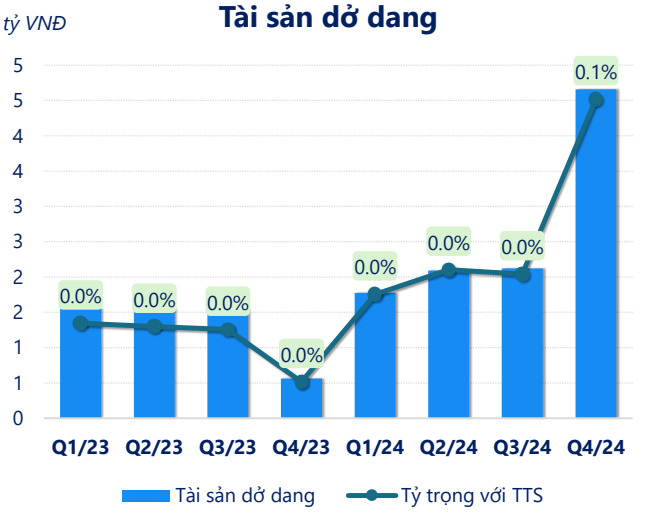

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

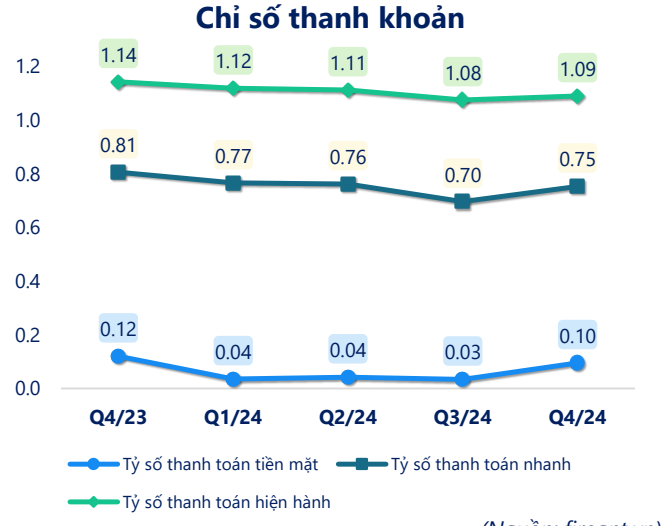

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

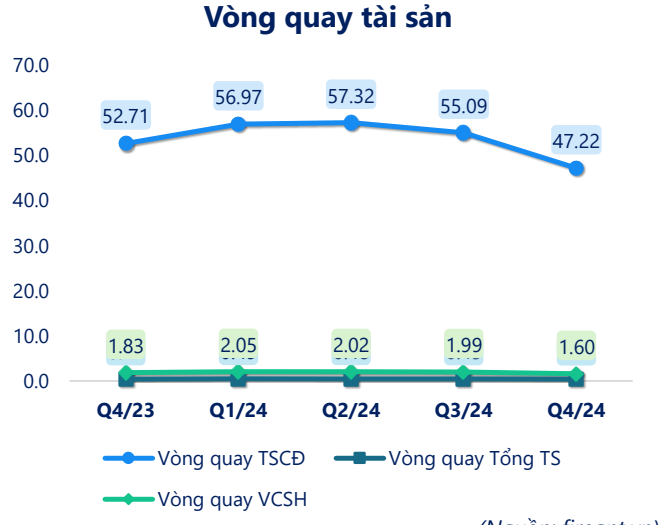

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**6,777**	**6,322**	**6,213**	**6,486**	**6,439**
Tài sản ngắn hạn	**5,485**	**5,025**	**4,923**	**5,076**	**5,071**
Tiền và tương đương tiền	577	159	186	160	443
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.8	39.9	34.9	52.9	47.7
Phải thu ngắn hạn	3,118	3,113	3,036	2,920	2,879
Hàng tồn kho	1,617	1,585	1,548	1,788	1,566
Tài sản ngắn hạn khác	105	129	117	156	135
Tài sản dài hạn	**1,293**	**1,297**	**1,290**	**1,410**	**1,368**
Phải thu dài hạn	2.68	2.98	1.68	2.68	2.68
Tài sản cố định	58.0	63.5	61.7	61.7	52.1
Bất động sản đầu tư	426	424	421	541	507
Tài sản dở dang	0.56	1.78	2.09	2.12	4.66
Đầu tư tài chính dài hạn	795	795	795	795	795
Tài sản dài hạn khác	9.73	9.61	8.28	7.12	6.80
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,160**	**4,703**	**4,576**	**4,868**	**4,799**
Nợ ngắn hạn	**4,800**	**4,493**	**4,427**	**4,722**	**4,652**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	807	806	758	774	795
Phải trả người bán ngắn hạn	1,221	1,072	1,054	1,117	1,253
Nợ dài hạn	360	210	149	147	147
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.18	1.05	0	0.78
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,618**	**1,619**	**1,636**	**1,618**	**1,640**
Vốn chủ sở hữu	**1,618**	**1,619**	**1,636**	**1,618**	**1,640**
Vốn điều lệ	1,410	1,410	1,410	1,410	1,410
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)